

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014
	2000393273 (điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên
	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên
	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát	Bà Phạm Hoàng Yến	Trưởng ban (từ ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thiện Tâm	Trưởng ban (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Ông Trần Văn Khánh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên
	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên
	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 22 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited Branch**

10th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street,
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Tel: +84 8 3821 9266
Fax: +84 8 3821 9267
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 15-01-268/2016R



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.645.715.028.844	7.264.438.888.490
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.151.104.101.716	864.823.486.140
Tiền	111		102.177.501.716	578.823.486.140
Các khoản tương đương tiền	112		1.048.926.600.000	286.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		758.773.616.221	894.002.745.737
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7(a)	(8.378.460.000)	(8.378.460.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	752.340.966.810	887.570.096.326
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		914.847.010.532	1.114.455.345.950
Phải thu của khách hàng	131	8	774.106.807.684	1.024.840.613.115
Trả trước cho người bán	132		23.096.940.442	24.453.712.846
Phải thu về cho vay	135	9	10.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	109.606.801.943	67.124.559.526
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	11	(1.963.539.537)	(1.963.539.537)
Hàng tồn kho	140	12	3.769.357.188.100	4.312.733.437.709
Hàng tồn kho	141		3.790.417.892.397	4.353.040.535.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.060.704.297)	(40.307.098.016)
Tài sản ngắn hạn khác	150		51.633.112.275	78.423.872.954
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	3.047.173.122	1.702.953.528
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.675.497.940	51.481.759.271
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	19(b)	27.910.441.213	25.239.160.155

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.914.883.423.103	1.960.709.044.784
Các khoản phải thu dài hạn	210		294.808.071.658	240.968.677.481
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	294.808.071.658	240.968.677.481
Tài sản cố định	220		1.230.735.928.750	1.315.798.837.474
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.083.739.379.132	1.166.508.919.101
Nguyên giá	222		2.006.409.801.384	2.001.193.042.633
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(922.670.422.252)	(834.684.123.532)
Tài sản cố định vô hình	227	14	146.996.549.618	149.289.918.373
Nguyên giá	228		161.372.030.700	161.463.696.680
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.375.481.082)	(12.173.778.307)
Tài sản dở dang dài hạn	240		145.335.842.284	145.000.706.037
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	145.335.842.284	145.000.706.037
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7(c)	114.271.100.000	114.271.100.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		107.271.100.000	107.271.100.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		129.732.480.411	144.669.723.792
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	93.897.864.919	99.156.557.781
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	29.914.232.256	38.048.334.925
Lợi thế thương mại	269	18	5.920.383.236	7.464.831.086
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.560.598.451.947	9.225.147.933.274

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

三、四、五、六、七、八、九、十、十一、十二、十三、十四、十五、十六、十七、十八、十九、二十、二十一、二十二、二十三、二十四、二十五、二十六、二十七、二十八、二十九、三十、三十一、三十二、三十三、三十四、三十五、三十六、三十七、三十八、三十九、四十、四十一、四十二、四十三、四十四、四十五、四十六、四十七、四十八、四十九、五十、五十一、五十二、五十三、五十四、五十五、五十六、五十七、五十八、五十九、六十、六十一、六十二、六十三、六十四、六十五、六十六、六十七、六十八、六十九、七十、七十一、七十二、七十三、七十四、七十五、七十六、七十七、七十八、七十九、八十、八十一、八十二、八十三、八十四、八十五、八十六、八十七、八十八、八十九、九十、九十一、九十二、九十三、九十四、九十五、九十六、九十七、九十八、九十九、一百。

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

7

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	30	4.772.877.504.014	4.798.044.887.682
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	57.117.142.395	108.533.884.751
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	30	4.715.760.361.619	4.689.511.002.931
Giá vốn hàng bán	11	31	4.266.476.658.786	4.255.326.452.301
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		449.283.702.833	434.184.550.630
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	52.504.273.815	139.149.136.301
Chi phí tài chính	22	33	162.603.624.312	204.257.580.513
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		121.816.842.966	98.948.641.864
Chi phí bán hàng	25	34	271.849.781.847	302.846.867.352
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	104.864.956.412	89.001.274.446
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(37.530.385.923)	(22.772.035.380)
Thu nhập khác	31	36	69.466.476.017	15.253.859.391
Chi phí khác	32	37	1.625.771.514	5.401.240.158
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		67.840.704.503	9.852.619.233
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.310.318.580	(12.919.416.147)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	6.357.492.669	25.264.109.780
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	39	4.802.327.013	(21.142.981.384)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		19.150.498.898	(17.040.544.543)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

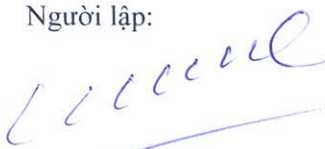
Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (được chuyển từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		19.150.498.898	(17.040.544.543)
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		20.453.238.415	11.099.670.774
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.302.739.517)	(28.140.215.317)
Lãi trên cổ phiếu	70	40	299	162

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		30.310.318.580	(12.919.416.147)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		93.744.129.407	84.926.454.639
Các khoản dự phòng	03		(19.120.393.719)	(1.660.916.658)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.416.024.149	84.257.777.442
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(81.774.123)	(180.000.000)
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05		-	(40.631.650.442)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		391.363.753	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(36.805.768.224)	(58.417.208.466)
Thu nhập từ cổ tức	05		(62.946.000)	(188.823.000)
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06		125.316.842.970	98.948.641.864
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		197.107.796.793	154.134.859.232
Biến động các khoản phải thu	09		150.290.856.114	104.264.507.141
Biến động hàng tồn kho	10		556.522.058.811	(1.694.483.276.730)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		30.483.441.493	(11.349.547.796)
Biến động chi phí trả trước	12		3.942.610.693	415.477.752
			938.346.763.904	(1.447.017.980.401)
Tiền lãi vay đã trả	14		(127.650.716.925)	(92.137.735.701)
Thuế thu nhập đã nộp	15		(25.648.529.741)	(37.215.468.720)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(40.483.136.830)	(14.733.436.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		744.564.380.408	(1.591.104.621.639)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016	30/6/2015
Mã số	Thuyết minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.391.424.813)	(106.219.459.029)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.458.181.818	180.000.000
Tiền chi cho công ty liên kết vay	23	(10.000.000.000)	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(337.302.498.440)	(131.800.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24	472.525.000.000	892.197.601.693
Tiền chi đầu tư vào công ty liên kết	25	-	(8.609.978.829)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	31.946.634.723	69.723.074.179
Tiền thuần mua công ty con	29	-	(3.260.046.575)
Tiền thu từ thanh lý một công ty con	29	33.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	182.235.893.288	712.211.191.439
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31	-	100.000.000
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33	3.557.876.797.444	10.618.758.067.765
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.199.182.714.945)	(8.719.284.924.699)
Tiền chi cho việc phát hành trái phiếu	34	-	(24.472.222.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(641.305.917.501)	1.875.100.920.844

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		285.494.356.195	996.207.490.644
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		864.823.486.140	82.925.910.682
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		786.259.381	(1.001.397.475)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	1.151.104.101.716	1.078.132.003.851

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 12 công ty con (1/1/2016: 11 công ty con) chi tiết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		30/6/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	67,5%	67,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,5%	97,5%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		30/6/2016	1/1/2016
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100%	100%
Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (*)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100%	-
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	83,72%	83,72%

(*) Ngày 23 tháng 3 năm 2016, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 233/HDQT.MPC.16, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú, tại tỉnh Hậu Giang, Việt Nam với vốn pháp định được duyệt là 40.800.000.000 VND. Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 3 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty liên kết) chi tiết trong thuyết minh 7(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có 11.498 nhân viên (1/1/2016: 12.956 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản của Tập đoàn phụ thuộc vào biến động mùa vụ do kết quả của điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Cụ thể, việc nuôi trồng thủy sản tại các khu vực địa lý trọng yếu bị tác động tiêu cực do điều kiện thời tiết nắng nóng, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Tập đoàn đã nỗ lực để giảm thiểu các tác động mùa vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu trong kỳ. Hoạt động kinh doanh thường đạt doanh thu và lợi nhuận thấp trong nửa đầu năm do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với giai đoạn cuối năm do ảnh hưởng của các lễ hội lớn trên thế giới.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, bộ phận kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản đạt doanh thu 4.715.760 triệu đồng (sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 4.689.511 triệu đồng) và lợi nhuận trước thuế 30.310 triệu đồng (sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: lỗ 12.919 triệu đồng).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Khác

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	2.694.765.147.817	2.004.191.752.287	16.803.461.515	-	4.715.760.361.619
Doanh thu giữa các bộ phận	47.201.852.316	2.595.471.327.148	52.574.982.310	22.652.708.200	(2.717.900.869.974)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	47.201.852.316	5.290.236.474.965	2.056.766.734.597	39.456.169.715	(2.717.900.869.974)	4.715.760.361.619
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(31.573.579.291)	157.004.013.526	(57.090.262.773)	(6.261.644.345)	10.490.437.457	72.568.964.574
Doanh thu hoạt động tài chính						52.504.273.815
Chi phí tài chính						(162.603.624.312)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						(37.530.385.923)
Thu nhập khác						69.466.476.017
Chi phí khác						(1.625.771.514)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(11.159.819.682)
Lợi nhuận thuần sau thuế						19.150.498.898

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	148.796.000	2.568.034.269.195	2.099.507.343.109	21.820.594.627	-	4.689.511.002.931
Doanh thu giữa các bộ phận	29.448.617.197	2.870.149.182.978	30.218.776.404	79.896.547.472	(3.009.713.124.051)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	29.597.413.197	5.438.183.452.173	2.129.726.119.513	101.717.142.099	(3.009.713.124.051)	4.689.511.002.931
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(33.252.880.436)	8.238.318.889	15.865.387.430	14.670.898.057	36.814.684.892	42.336.408.832
Doanh thu hoạt động tài chính Chi phí tài chính						139.149.136.301 (204.257.580.513)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						(22.772.035.380)
Thu nhập khác Chi phí khác Thuế thu nhập doanh nghiệp						15.253.859.391 (5.401.240.158) (4.121.128.396)
Lỗ thuần sau thuế						(17.040.544.543)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	272.666.710.369	6.820.416.177.360	1.896.705.471.490	126.370.802.528	(1.473.287.343.173)	7.642.871.818.574
Đầu tư vào công ty liên kết	-	1.471.010.060.671	-	98.000.000.000	(1.454.738.960.671)	114.271.100.000
Tài sản không phân bổ						803.455.533.373
Tổng tài sản						8.560.598.451.947
Nợ phải trả của bộ phận	245.160.367.045	6.206.383.255.189	1.228.976.647.606	13.033.705.313	(1.412.834.650.073)	6.280.719.325.080
Nợ phải trả không phân bổ						21.963.653.832
Tổng nợ phải trả						6.302.682.978.912
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Chi tiêu vốn	-	9.264.924.813	-	126.500.000	-	9.391.424.813
Khấu hao và phân bổ	10.721.873.121	79.006.704.924	158.338.635	2.312.764.877	1.544.447.850	93.744.129.407

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<i>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	281.974.726.408	7.283.134.202.193	1.849.825.944.332	129.427.067.667	(1.387.056.879.992)	8.157.305.060.608
Đầu tư vào công ty liên kết						107.271.100.000
Tài sản không phân bổ						960.571.772.666
Tổng tài sản						9.225.147.933.274
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	-	-	-	6.928.831.801.649
Nợ phải trả không phân bổ						52.756.154.293
Tổng nợ phải trả						6.981.587.955.942
<i>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>						
Chi tiêu vốn	511.574.344	94.987.588.204	-	10.720.296.481	-	106.219.459.029
Khấu hao và phân bổ	10.454.841.549	70.364.082.575	157.887.582	2.405.195.083	1.544.447.850	84.926.454.639

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Việt Nam	30.541.801.069	177.464.166.054
Bắc Mỹ	2.333.923.479.546	2.309.044.257.245
Châu Âu	455.540.720.682	316.237.767.393
Nhật Bản	896.428.995.313	882.216.556.335
Hàn Quốc	338.380.222.184	328.992.644.882
Khác	660.945.142.825	675.555.611.022
	4.715.760.361.619	4.689.511.002.931

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Việt Nam	6.952.097.362.093	7.551.260.469.265
Bắc Mỹ	1.604.244.835.350	1.673.887.464.009
Nhật Bản	4.256.254.504	-
	8.560.598.451.947	9.225.147.933.274

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	4.071.629.144	4.117.069.597
Tiền gửi ngân hàng	98.105.872.572	574.706.416.543
Các khoản tương đương tiền	1.048.926.600.000	286.000.000.000
	1.151.104.101.716	864.823.486.140

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn:								
▪ Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	141.800	6.004.500.000	1.956.840.000	(4.019.300.000)	141.800	6.004.500.000	1.446.360.000	(4.019.300.000)
▪ Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.359.160.000)	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.359.160.000)
▪ Công ty cổ phần cơ điện lạnh	8	80.000	164.000	-	8	80.000	201.600	-
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	449.681.470	-	18.823	272.941.176	449.681.470	-
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125.882	3.270.588.235	2.202.935.000	-	125.882	3.270.588.235	2.265.876.000	-
		14.811.109.411	5.561.620.470	(8.378.460.000)		14.811.109.411	5.114.119.070	(8.378.460.000)

Không có biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	752.340.966.810	887.570.096.326

Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,9% đến 6,5% trong kỳ (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 5,0% đến 7,0% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 629.100 triệu VND (1/1/2016: 687.070 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong
- Công ty TNHH Mekong Logistic
- Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam

Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(*)	-
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(*)	-
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	23,6%	35,0%	5.371.100.000	(*)	-

107.271.100.000

-

Các công ty khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

10,0%

10,0%

(*)

7.000.000.000

114.271.100.000

-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2016

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Công ty TNHH Mekong Logistic
 Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
- Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam
 Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Các công ty khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau
 Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Các công ty liên kết của Tập đoàn vẫn trong giai đoạn chuẩn bị hoạt động tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(*)	-
	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(*)	-
	23,6%	35,0%	5.371.100.000	(*)	-
			107.271.100.000		-
	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(*)	-
			114.271.100.000		-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Censea Inc.	164.227.366.265	208.362.590.678
H.T. Foods PVT Ltd	85.653.413.389	53.996.760.888
Kailis Bros PTY Ltd	35.747.636.538	133.140.037.118
Các khách hàng khác	488.478.391.492	629.341.224.431
	774.106.807.684	1.024.840.613.115

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản		
Minh Phú Aquamekong	42.167.500	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi theo yêu cầu.

Phải thu của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 370.031 triệu VND (1/1/2016: 454.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

9. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản cho Công ty TNHH Mekong Logistic vay, một công ty liên kết. Khoản vay này không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm 7% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: không) và có thể thu được trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi phải thu	18.977.940.419	14.055.860.918
Phải thu từ thanh lý công ty con	-	33.000.000.000
Cho người lao động vay (*)	3.540.290.013	4.300.361.909
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	6.208.965.767	2.383.050.863
Tạm ứng cho nhân viên	3.329.570.111	2.116.731.258
Ký quỹ ngắn hạn (**)	52.431.102.950	-
Khác	25.118.932.683	11.268.554.578
	109.606.801.943	67.124.559.526

(*) Khoản này phản ánh khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(**) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản ký gửi tại ngân hàng nhằm mở thư tín dụng để mua hàng hóa. Khoản ký quỹ này không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng một năm.

(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Thuế chống bán phá giá (*)	287.501.563.080	240.968.677.481
Tạm ứng cho người nuôi tôm (**)	7.306.508.578	-
	294.808.071.658	240.968.677.481

(*) Khoản này phản ánh khoản trả trước thuế chống bán phá giá. Trước ngày 18 tháng 7 năm 2016, theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), là một công ty con chuyên nhập khẩu tôm từ Tập đoàn vào Hoa Kỳ, phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định rà soát hành chính thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Ngày 18 tháng 7 năm 2016, DOC đã ban hành quyết định nhằm thực thi thỏa thuận song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam nhằm giải quyết tranh chấp về vụ kiện chống bán phá giá tôm tại Tổ chức Thương mại Thế giới. Theo đó, Tập đoàn sẽ được dỡ bỏ lệnh áp thuế chống bán phá giá kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2016. Thêm vào đó, một phần của khoản trả trước thuế chống bán phá giá sẽ được hoàn trả cho Tập đoàn. Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để quyết toán khoản thuế chống bán phá giá được hoàn.

(**) Khoản này phản ánh tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không hưởng lãi và có thể thu được trong vòng 2 năm.

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016				1/1/2016	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn						
Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	3 – 4 năm	982.302.147	-	982.302.147	982.302.147	982.302.147
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và chế biến Thủy sản Mỏ Ó Sóc Trăng	3 – 4 năm	771.913.390	-	771.913.390	771.913.390	771.913.390
Công ty TNHH Thanh Bình	3 – 4 năm	209.324.000	-	209.324.000	209.324.000	209.324.000
		1.963.539.537	-	1.963.539.537	1.963.539.537	1.963.539.537
Trong đó:						
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				1.963.539.537		1.963.539.537

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	23.689.618.439	-
Nguyên vật liệu	137.096.245.076	-	120.548.459.934	-
Công cụ và dụng cụ	7.995.533.958	-	6.436.274.665	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.686.914.868	-	68.155.627.012	-
Thành phẩm	3.572.639.198.495	(21.060.704.297)	4.134.210.555.675	(40.307.098.016)
	3.790.417.892.397	(21.060.704.297)	4.353.040.535.725	(40.307.098.016)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	40.307.098.016	33.124.519.437
Tăng dự phòng trong kỳ	7.469.855.295	11.270.303.816
Hoàn nhập	(26.590.249.014)	(12.931.220.474)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(126.000.000)	103.200.163
Số dư cuối kỳ	21.060.704.297	31.566.802.942

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.813.523 triệu VND (1/1/2016: 3.292.565 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 295.649 triệu VND (1/1/2016: 841.226 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	730.633.809.720	1.096.288.639.494	154.184.169.783	20.086.423.636	2.001.193.042.633
Tăng trong kỳ	1.290.185.962	6.705.931.578	626.077.273	42.730.000	8.664.924.813
Thanh lý	-	-	(3.366.638.182)	-	(3.366.638.182)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(77.504.700)	-	-	(4.023.180)	(81.527.880)
Số dư cuối kỳ	731.846.490.982	1.102.994.571.072	151.443.608.874	20.125.130.456	2.006.409.801.384
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	217.024.646.153	534.546.614.746	72.599.800.674	10.513.061.959	834.684.123.532
Khấu hao trong kỳ	25.819.343.327	54.776.000.868	8.280.530.030	1.122.104.557	89.997.978.782
Thanh lý	-	-	(1.990.230.487)	-	(1.990.230.487)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(17.426.395)	-	-	(4.023.180)	(21.449.575)
Số dư cuối kỳ	242.826.563.085	589.322.615.614	78.890.100.217	11.631.143.336	922.670.422.252
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	513.609.163.567	561.742.024.748	81.584.369.109	9.573.361.677	1.166.508.919.101
Số dư cuối kỳ	489.019.927.897	513.671.955.458	72.553.508.657	8.493.987.120	1.083.739.379.132

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 132.846 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 121.328 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 561.819 triệu VND (1/1/2016: 615.262 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	18.751.494.650	112.561.925.700	30.150.276.330	161.463.696.680
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(91.665.980)	-	-	(91.665.980)
Số dư cuối kỳ	18.659.828.670	112.561.925.700	30.150.276.330	161.372.030.700
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	9.893.130.579	2.280.647.728	12.173.778.307
Khấu hao trong kỳ	-	1.115.884.383	1.085.818.392	2.201.702.775
Số dư cuối kỳ	-	11.009.014.962	3.366.466.120	14.375.481.082
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	18.751.494.650	102.668.795.121	27.869.628.602	149.289.918.373
Số dư cuối kỳ	18.659.828.670	101.552.910.738	26.783.810.210	146.996.549.618

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.742 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 2.742 triệu VND) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 85.870 triệu VND (1/1/2016: 86.845 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	145.000.706.037	250.025.933.670
Tăng trong kỳ	726.500.000	38.041.938.069
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	9.413.893.104
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(14.149.239.151)
Chuyển sang đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	-	(55.552.872.889)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.087.012.500)
Xóa sổ	(391.363.753)	-
Số dư cuối kỳ	145.335.842.284	226.692.640.303

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà cửa	33.098.725.544	32.972.225.543
Quyền sử dụng đất	97.360.504.552	97.360.504.552
Máy móc	4.160.994.364	3.560.994.364
Khác	10.715.617.824	11.106.981.578
	145.335.842.284	145.000.706.037

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	3.047.173.122	1.702.953.528

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	48.800.936.169	50.355.621.612	99.156.557.781
Tăng trong kỳ	-	10.085.751.033	10.085.751.033
Phân bổ trong kỳ	(1.585.441.109)	(13.759.002.786)	(15.344.443.895)
Số dư cuối kỳ	47.215.495.060	46.682.369.859	93.897.864.919

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 1.347 triệu VND (1/1/2016: 1.357 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	44% - 52%	11.542.223.234	19.989.457.765
Các khoản dự phòng	10%	128.987.121	29.439.883
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	20% - 22%	8.588.415.525	8.588.415.525
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	10%	213.584.624	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	5%	9.441.021.752	9.441.021.752
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		29.914.232.256	38.048.334.925
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	10%	(21.626.850.846)	(24.762.347.389)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10%	-	(196.279.113)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(21.626.850.846)	(24.958.626.502)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		8.287.381.410	13.089.708.423

18. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	30.888.957.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	23.424.125.914
Khấu hao trong kỳ	1.544.447.850
Số dư cuối kỳ	24.968.573.764
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.464.831.086
Số dư cuối kỳ	5.920.383.236

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp/phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Cần trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	469.721.555	16.552.976.721	(1.572.473.726)	(14.859.246.866)	-	590.977.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.590.600.974	6.357.492.669	(18.014.267.893)	(3.864.067.783)	(36.735.363)	33.022.604
Thuế thu nhập cá nhân	1.270.715.817	4.122.608.199	(4.775.511.138)	-	418.958	618.231.836
Thuế khác	450.000	22.242.721	(22.242.721)	-	-	450.000
	17.331.488.346	27.055.320.310	(24.384.495.478)	(18.723.314.649)	(36.316.405)	1.242.682.124

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	Cần trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.866.929.847	7.634.261.848	-	(3.864.067.783)	857.875	18.637.981.787
Thuế xuất nhập khẩu	9.811.447.027	56.913.784	(1.171.300.191)	-	-	8.697.060.620
Thuế thu nhập cá nhân	560.783.281	37.167.310	(22.551.785)	-	-	575.398.806
	25.239.160.155	7.728.342.942	(1.193.851.976)	(3.864.067.783)	857.875	27.910.441.213

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2013	55.731.428.570	83.969.328.994
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 31 tháng 1 năm 2014	22.353.571.430	37.994.001.633
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	80.164.836	2.079.894.544
	78.165.164.836	124.043.225.171

Thuế chống bán phá giá tại và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2014 được ghi nhận trực tiếp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tại ngày 18 tháng 7 năm 2016, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”) quyết định hủy bỏ rà soát thuế chống bán phá giá đối với tôm đông lạnh của Tập đoàn và khoản thuế chống bán phá giá cho các giai đoạn trước đã được xác định. Do đó, Tập đoàn không có nghĩa vụ trích trước khoản thuế chống bán phá giá phải trả kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2016.

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn phản ánh khoản lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào một công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi vay phải trả	21.963.653.832	27.797.527.791
Cổ tức phải trả	5.177.652.973	4.379.739.291
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	5.585.767.098	7.524.694.852
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	6.627.969.116	3.678.815.570
Tiền thuê đất phải trả	3.850.039.246	4.058.505.504
Tạm ứng từ một bên thứ ba (*)	30.455.006.191	7.140.634.883
Hoa hồng phải trả	392.099.083	708.008.981
Cổ tức phải trả	6.535.978.038	6.876.892.452
	80.588.165.577	62.164.819.324

(*) Khoản này phản ánh tạm ứng tiền mặt nhận được từ một bên thứ ba theo thỏa thuận hợp tác liên doanh ngày 12 tháng 8 năm 2015 để nuôi trồng và kinh doanh thủy sản.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	4.216.856.000	4.216.856.000

Các khoản phải trả khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.385.554.124.520	2.385.554.124.520	3.556.641.698.459	(3.699.182.714.945)	2.243.013.108.034	2.243.013.108.034

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	5,0%	578.504.443.141	764.100.136.557
Khoản vay 2	VND	5,0%	2.804.530.014	18.370.579.932
Khoản vay 3	VND	5,0%	426.346.695.609	831.009.062.191
Khoản vay 4	USD	1,5%	410.198.535.669	-
Khoản vay 5	USD	1,5%	251.770.861.530	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	5,0%	285.712.015.891	312.221.609.610
Khoản vay 2	VND	5,0%	120.848.078.355	115.544.370.180
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	4,7% - 5,0%	-	315.300.918.770
Khoản vay 2	USD	1,5%	44.454.697.621	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam				
Khoản vay 1	VND	5,0%	46.251.214.110	29.007.447.280
Khoản vay 2	USD	1,5%	20.659.069.201	-
Ngân hàng Citibank – Bắc Mỹ				
Khoản vay 1	USD	Thả nổi	55.462.966.893	-
			2.243.013.108.034	2.385.554.124.520

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 7(b))	629.100.000.000	678.070.096.326
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 8)	163.608.706.836	212.776.000.238
Hàng tồn kho (Thuyết minh 12)	1.438.350.244.062	1.986.749.874.765
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	308.844.083.332	335.907.164.351
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	2.144.458.514	2.175.874.192
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16(b))	1.347.087.172	1.356.937.172
	2.543.394.579.916	3.217.035.947.044

(b) Trái phiếu

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	30/6/2016	1/1/2016
				VND	VND
Lô 1	VND	9,65%	2017	-	500.000.000.000
Lô 2 (*)	VND	7,50%	2020	2.480.416.666.671	2.477.916.666.669
Lô 3 (**)	VND	7,50%	2020	992.000.000.004	991.000.000.002
				3.472.416.666.675	3.968.916.666.671

- (*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 482.895 triệu VND (1/1/2016: 514.250 triệu VND) và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.
- (**) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 3 tháng 7 năm 2015 và không chuyển đổi. Các trái phiếu được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 8)	206.422.837.847	241.697.077.566
Hàng tồn kho (Thuyết minh 12)	1.375.172.802.960	1.305.814.882.463
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	252.974.633.677	279.354.841.532
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	83.725.391.203	84.668.789.694
	1.918.295.665.687	1.911.535.591.255

Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 3 tháng 7 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Dự phòng dài hạn

Biến động dự phòng dài hạn trong kỳ như sau:

	Trợ cấp thôi việc	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.737.632.692	3.054.294.804
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(218.865.715)	(118.950.446)
Số dư cuối kỳ	2.518.766.977	2.935.344.358

25. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	88.371.069.916	69.295.144.089
Trích lập trong kỳ	-	27.842.978.301
Sử dụng trong kỳ	(34.694.141.703)	(8.247.521.944)
Số dư cuối kỳ	53.676.928.213	88.890.600.446

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Cổ đông không kiểm soát	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	98.893.770.789	47.138.548.094	843.274.384.403	488.198.004.221	2.275.219.485.882
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	11.099.670.774	(28.140.215.317)	(17.040.544.543)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	40.998.277.097	(40.998.277.097)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(27.842.978.301)	-	(27.842.978.301)
Cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(343.661.025.000)	(66.729.371.510)	(410.390.396.510)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(6.366.964.427)	-	-	(6.366.964.427)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	7.853.760.217	-	-	872.640.024	8.726.400.241

Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	106.747.531.006	81.769.860.764	441.871.774.779	394.301.057.418	1.822.405.002.342
-----------------------------------	-----------------	-----------------	------------------	-----------------	----------------	-----------------	-----------------	-------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	106.747.531.006	81.769.860.764	441.871.774.779	394.301.057.418	1.822.405.002.342
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	21.346.532.765	(11.251.875.587)	10.094.657.178
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	741.130.073	(741.130.073)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	741.130.073	-	741.130.073
Cổ tức (*)	-	-	-	-	-	343.661.025.000	64.969.000.519	408.630.025.519
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(8.431.737.573)	-	-	(8.431.737.573)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	9.108.809.814	-	-	1.012.089.979	10.120.899.793
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(32.467.500.000)	32.467.500.000	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	115.856.340.820	74.079.253.264	774.411.832.544	481.497.772.329	2.243.559.977.332

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	115.856.340.820	74.079.253.264	774.411.832.544	481.497.772.329	2.243.559.977.332
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	20.453.238.415	(1.302.739.517)	19.150.498.898
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	598.454.543	(598.454.543)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(797.913.682)	(797.913.682)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(5.570.129.412)	-	-	(5.570.129.412)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.416.470.923	-	-	156.568.976	1.573.039.899
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	117.272.811.743	69.107.578.395	794.266.616.416	479.553.688.106	2.257.915.473.035

(*) Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 5.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 343.661 triệu VND. Tuy nhiên, vào ngày 19 tháng 8 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định hoàn nhập khoản này sau khi quyết toán tình hình kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	5.303.876.194	4.843.200.084
Trong vòng hai đến năm năm	10.077.370.243	11.923.125.147
	15.381.246.437	16.766.325.231

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.286.924	28.555.444.229	23.982.647	540.568.762.313
JPY	44.192.242	9.834.844.396	91.665.403	17.049.765.702
		38.390.288.625		557.618.528.015

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	88.194.065.367	83.605.999.898
	88.194.065.367	83.605.999.898

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	4.761.950.143.860	4.792.022.529.688
▪ Phế liệu đã bán	8.679.026.473	6.022.357.994
▪ Khác	2.248.333.681	-
	4.772.877.504.014	4.798.044.887.682
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.124.617.663)	(5.042.164.315)
▪ Hàng bán bị trả lại	(55.992.524.732)	(103.491.720.436)
	(57.117.142.395)	(108.533.884.751)
Doanh thu thuần	4.715.760.361.619	4.689.511.002.931

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	4.285.597.052.505	4.256.987.368.959
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.120.393.719)	(1.660.916.658)
	4.266.476.658.786	4.255.326.452.301

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	36.805.768.224	58.417.208.466
Cổ tức	62.946.000	188.823.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	11.573.769.297	39.076.252.668
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	593.168.650	835.201.725
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	-	40.631.650.442
Khác	3.468.621.644	-
	52.504.273.815	139.149.136.301

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	121.816.842.966	98.948.641.864
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	24.820.430.242	17.420.376.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4.009.192.799	85.092.979.167
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	3.500.000.004	-
Khác	8.457.158.301	2.795.583.072
	162.603.624.312	204.257.580.513

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.403.748.601	13.247.936.865
Chi phí nguyên vật liệu	598.776.464	1.076.126.278
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.153.360.899	646.908.806
Chi phí khấu hao	376.973.274	375.207.498
Chi phí vận chuyển	101.195.914.456	117.506.614.415
Chi phí thuê kho	60.486.344.602	75.169.810.499
Phí hoa hồng	66.130.088.014	71.812.918.565
Phí hỗ trợ nhà phân phối	3.594.474.398	4.622.589.125
Phí giám sát	2.228.605.500	4.388.168.681
Chi phí nghiên cứu thị trường	3.545.267.760	2.433.496.411
Chi phí khác	18.136.227.879	11.567.090.209
	271.849.781.847	302.846.867.352

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	39.648.323.558	43.508.417.085
Chi phí nguyên vật liệu	1.605.134.361	149.662.407
Dụng cụ văn phòng	3.089.442.795	5.045.765.702
Chi phí khấu hao	10.616.913.054	5.482.903.574
Phí và lệ phí	308.458.789	1.085.012.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.931.140.048	14.278.710.051
Phí ngân hàng	1.960.177.288	4.185.056.667
Chi phí khác	11.705.366.519	15.265.746.007
	104.864.956.412	89.001.274.446

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	81.774.123	180.000.000
Ghi giảm thuế chống bán phá giá	67.628.068.155	13.272.233.244
Khác	1.756.633.739	1.801.626.147
	69.466.476.017	15.253.859.391

37. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	391.363.753	-
Các khoản bị phạt	-	1.998.371.189
Khác	1.234.407.761	3.402.868.969
	1.625.771.514	5.401.240.158

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.859.631.131.853	3.325.284.178.871
Chi phí nhân công và nhân viên	442.207.871.155	509.624.994.859
Chi phí khấu hao và phân bổ	93.744.129.407	84.926.454.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	315.524.061.897	332.404.566.755
Chi phí khác	76.421.251.672	103.081.301.563

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	6.357.492.669	25.264.109.780
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	4.802.327.013	(21.142.981.384)
	11.159.819.682	4.121.128.396

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	30.310.318.580	(12.919.416.147)
Thuế theo thuế suất của Công ty	3.031.031.858	(1.291.941.615)
Chi phí không được khấu trừ thuế	249.187.349	543.118.716
Ưu đãi thuế	(226.205.626)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.196.541.786	11.043.087.160
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	4.116.741.499	(6.173.135.865)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	792.522.816	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.159.819.682	4.121.128.396

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận phản ánh lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh.

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi cung ứng”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Chuỗi cung ứng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Kho vận Ebisumo (“Ebisumo”)

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: tại mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (“Minh Phú Food”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Food có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	20.453.238.415	11.099.670.774

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	68.462.850	68.462.850
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	68.462.850	68.462.850

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Mekong Logistic		
Góp vốn bằng tiền và tài sản	-	200.000.000.000
Khoản vay từ Tập đoàn	10.000.000.000	-
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	1.190.378.837	1.129.630.711

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Tổng lương thưởng và phụ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lương thưởng và phụ cấp	6.793.207.121	5.831.719.735

42. Các giao dịch phi tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Cần trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	8.949.440.014

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

